



PHIẾU YÊU CẦU ĐẶT LỆNH TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ - ORDER REQUEST

Ngày/Date

Số tham chiếu (Reference number):

THÔNG TIN GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ (Trading Information of The Private Placement Bonds)

LOẠI LỆNH (Type of Order):
☐ LỆNH MUA (Buy Order)

☐ LỆNH BÁN (Sell Order)

PHƯƠNG THỨC TT (Payment Method):

☐ THANH TOÁN NGAY (Instant Settlement)
☐ THANH TOÁN CUỐI NGÀY (Payment in day)

PHƯƠNG THỨC GIAO DỊCH (Trading Method):
☐ THỎA THUẬN THÔNG THƯỜNG (Put Through)
☐ THỎA THUẬN ĐIỆN TỬ (Electronic Put – Through)

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG (Customer Information)

TÊN CHỦ TÀI KHOẢN (Account Name):

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (Authorized Person):

SỐ CCCD/HỘ CHIẾU/ ĐKKD/ TÀI LIỆU TƯƠNG ĐƯƠNG (ID/Passport/ ERC or equivalent document): do cấp ngày

SỐ CCCD/HỘ CHIẾU/ ĐKKD/ TÀI LIỆU TƯƠNG ĐƯƠNG BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (ID/Passport/ ERC or equivalent document of Authorized Person): do cấp ngày

SỐ TK CK (Securities Account No.):

TẠI (At): CTCP CHỨNG KHOÁN VIETCAP (Vietcap Securities JSC)

THÔNG TIN ĐỐI TÁC – NẾU CÓ (Partner Information – If Any)

MÃ/ TÊN THÀNH VIÊN ĐỐI TÁC (Code/Name of Partner): 068

SỐ TÀI KHOẢN ĐỐI TÁC (Securities Account No. of Parner):

DÀNH CHO KHÁCH HÀNG (FOR CUSTOMER ONLY)				DÀNH CHO VIETCAP (FOR VIETCAP ONLY)	
Mã trái phiếu Bond code	Khối lượng (trái phiếu) Volume (bonds)	Giá thực hiện (VND) Dirty Prive (VND)	Tổng Giá trị giao dịch (VND) Total value (VND)	Số hiệu lệnh Order No.	Ngày giao dịch Trading date
Chủ tài khoản/ Người được ủy quyền Account Name/ Authorized Person Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu Sign, write full name, seal		Nhân viên nhập lệnh Trader Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu Sign, write full name, seal		Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap/ Vietcap Securities JSC Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu Sign, write full name, seal	
.....					